

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-02-2026

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Ông Lê Văn Thừa

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hồng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 395/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông L, Su H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số G, lầu F, hẻm A, lộ Phúc Đức N, khóm A, phường H, khu S, thành phố T, Đài Loan.

Đại diện ủy quyền: Bà Phùng Quang N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số G L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2025).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 2004. Địa chỉ: Ấp H, xã T, thành phố Cần Thơ.

Ông L, Su H *xin vắng mặt tại phiên tòa, bà T có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông L, Su H trình bày:

Ông L, Su H và bà Trần Thị Bích T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và được Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/4/2024. Sau khi kết hôn giữa ông, bà có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm, mỗi người một nơi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, ông L, Su H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Bích T.

Về con chung: Ông, bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L, Su H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan, khoảng cách xa xôi và điều kiện đi lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Bích T trình bày:

Do mai mối giữa bà T và ông L, Su H tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/4/2024. Sau khi kết hôn bà T sang Đài Loan sống cùng ông L, Su H, đến ngày 20/10/2024 thì bà về Việt Nam sinh sống và từ đó bà mất liên lạc với ông L, Su Hong. Thiết nghĩ nếu kéo dài cuộc hôn nhân (chồng vợ ở 2 quốc gia) cũng không có được hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông L, Su Hong.

Về con chung: Bà và ông L, Su H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L, Su H vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và xin vắng mặt, Bà Trần Thị Bích T đồng ý ly hôn. Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Các bên đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông L, Su H và bà Trần Thị Bích T có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân hợp pháp thuộc Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị Bích T có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và quan điểm sống. Nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan trong khi đó bị đơn ở Việt Nam, cả hai không còn liên lạc với nhau và đã ly thân trong một thời gian dài. Các bên đều thống nhất đồng ý ly hôn và không có thiện chí tiếp tục duy trì hôn nhân này. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông, bà chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn không có con chung nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, Su H, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông L, Su H được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Bích T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để xem xét giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông L, Su H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông Su Hsi H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010192 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông L, Su H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông L, Su H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Trung Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hùng Dũng

Lê Văn Thừa

Võ Trung Hậu